

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1893/TTr-SNV ngày 13 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nội vụ, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh ban hành mới: 06 thủ tục.
- Thủ tục hành chính cấp tỉnh bị bãi bỏ: 10 thủ tục.

2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

- Quy trình cấp tỉnh ban hành mới: 06 quy trình.

- Quy trình cấp tỉnh bị bãi bỏ: 10 quy trình.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 18/4/2025, Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 29/5/2025, Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nội vụ có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai thủ tục hành chính đã công bố thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử, tại trụ sở làm việc của đơn vị và Trung tâm Phục vụ hành chính công. Khẩn trương triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai cập nhật các nội dung thủ tục hành chính; cấu hình quy trình điện tử được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Sở Nội vụ phối hợp UBND cấp xã thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, cung cấp mã số hồ sơ kiểm thử để Sở Khoa học và Công nghệ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ MỚI BAN HÀNH,
BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH NỘI VỤ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	Mức DVC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC)									
1	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua uỷ quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong	- Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp. - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm.	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	Mức DVC
				trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.				
2	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua uỷ quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp. - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm.	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	Mức DVC
3	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua uỷ quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp. - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm.	Toàn trình
4	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp chấp	- Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp.	300.000 đồng/GPLĐ (Ba trăm nghìn đồng)	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	Mức DVC
			dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua uỷ quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	thuận nhu cầu và cấp gấp phép lao động. - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động.	- Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm.	
5	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua uỷ quyền đến Trung tâm	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp. - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở	225.000 đồng/GPLĐ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm.	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	Mức DVC
			Phục vụ hành chính công tỉnh.		chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.		
6	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua uỷ quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp. - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại	225.000 đồng/GPLĐ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm.	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Địa điểm thực hiện	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	Mức DVC
					nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VB QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Nội vụ
2	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Nội vụ
3	1.000459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Nội vụ
4	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Nội vụ
5	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Nội vụ
6	1.013718	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

7	1.013719	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8	1.013720	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	1.013721	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	1.013722	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết TTHC	Thời gian giải quyết TTHC	Phí, lệ phí (VNĐ)	Ghi chú
1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.014196) - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	Không	Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Cơ quan chuyên môn của Sở Nội vụ (Phòng Lao động)	03 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền	Lãnh đạo Sở Nội vụ	0,5 ngày làm việc		

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết TTHC	Thời gian giải quyết TTHC	Phí, lệ phí (VNĐ)	Ghi chú
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
2. Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.014197) - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	Không	Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Cơ quan chuyên môn của Sở Nội vụ (Phòng Lao động)	01 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền	Lãnh đạo Sở Nội vụ	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết TTHC	Thời gian giải quyết TTHC	Phí, lệ phí (VNĐ)	Ghi chú
3. Thủ tục Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.014198) - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	Không	Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Cơ quan chuyên môn của Sở Nội vụ (Phòng Lao động)	03 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền	Lãnh đạo Sở Nội vụ	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
4. Thủ tục Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.014199) - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	300.000 đồng/GPLĐ (Ba trăm nghìn đồng)	Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Cơ quan chuyên môn của Sở Nội vụ (Phòng Lao động)	07 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ và chuyển cơ	Lãnh đạo Sở Nội vụ	0,5 ngày làm việc		

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết TTHC	Thời gian giải quyết TTHC	Phí, lệ phí (VNĐ)	Ghi chú
	quan có thẩm quyền				
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
5. Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.014200) - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	225.000 đồng/GPLĐ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)	Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Cơ quan chuyên môn của Sở Nội vụ (Phòng Lao động)	01 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền	Lãnh đạo Sở Nội vụ	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

Các bước	Trình tự thực hiện	Đơn vị giải quyết TTHC	Thời gian giải quyết TTHC	Phí, lệ phí (VNĐ)	Ghi chú
6. Thủ tục Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Mã số TTHC: 1.014201) - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc	225.000 đồng/GPLĐ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)	Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Bước 2	Thẩm định, giải quyết hồ sơ	Cơ quan chuyên môn của Sở Nội vụ (Phòng Lao động)	07 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra, ký duyệt hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền	Lãnh đạo Sở Nội vụ	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho doanh nghiệp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		